

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

**ĐỀ TÀI: PHÂN TÍCH NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA
KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở
VIỆT NAM. NÊU GIẢI PHÁP VIỆT NAM CẦN THỰC
HIỆN ĐỂ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KTTT ĐỊNH
HƯỚNG XHCN**

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền
Sinh viên thực hiện : Lục Phương Huyền
Lớp : K23ATCC
Mã sinh viên : 23A7510164

Hà nội, ngày 04 tháng 06 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài.....1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....1
4. Cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu.....2
5. Ý nghĩa lí luận và ý nghĩa thực tiễn.....2

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. Cơ sở lý luận về kinh tế thị trường	2
1.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.....	2
1.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	2
1.1.2. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2
1.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.....	3
1.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.....	3
1.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.....	4
CHƯƠNG 2. Thực trạng nền KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và thực trạng thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.....	7
2.1. Thực trạng nền kinh tế thị trường	7
2.1.1. Những tích cực của kinh tế thị trường.....	7
2.1.2. Những hạn chế của kinh tế thị trường.....	9
2.2. Hạn chế của thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.....	10
CHƯƠNG 3. Giải pháp Việt Nam cần thực hiện để hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.....	11
3.1. Giải pháp khắc phục những hạn chế của KTTT	11
3.2. Giải pháp hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.....	14
KẾT LUẬN	17
TÀI LIỆU THAM KHẢO	18

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Nền kinh tế thị trường có ảnh hưởng vô cùng quan trọng đến sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia mỗi dân tộc. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ Đại hội Đảng lần thứ VI đến Đại hội Đảng lần thứ XII, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện và được chứng minh tính đúng đắn. Từ nước nghèo, thu nhập thấp, Việt Nam đã gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Nhận diện và chấn chỉnh các biểu hiện lệch lạc trong quá trình xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là cần thiết và không thể xem nhẹ. Do đó việc tìm ra những mô hình quản lý kinh tế thích hợp và mang hiệu quả cao là vấn đề mà nhà nước ta và nhiều nước trên thế giới quan tâm. Hơn nữa, việc đưa ra các giải pháp để hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN đóng vai trò thiết yếu tới sự phát triển nền kinh tế Việt Nam. Vì thế, em đã quyết định chọn đề tài: “Phân tích những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Nêu giải pháp Việt Nam cần thực hiện để hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.” làm tiểu luận kết thúc học phần kinh tế chính trị Mác Lê – nin với mong muốn là có thể làm rõ góc nhìn về vấn đề này.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Phân tích những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam để thấy được thực trạng của nền kinh tế thị trường. Đồng thời, tìm ra phương án để khắc phục những hạn chế kinh tế thị trường và đề ra giải pháp để hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.

Nhiệm vụ: Đưa ra các khái niệm, phân tích đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trình bày sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế KTTT và nội dung hoàn thiện thể chế KTTT. Nêu lên thực trạng của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam và hạn chế của thể chế kinh tế thị trường. Từ đó, rút ra giải pháp phù hợp để thực hiện để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và khắc phục những hạn chế của kinh tế thị trường.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng: Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Phạm vi: Nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận: Dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, kết hợp lý luận và thực tiễn.

5. Ý nghĩa của đề tài

Phân tích những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam để thấy được thực trạng nền kinh tế thị trường. Trên cơ sở đó, đưa ra những nhận định về ưu nhược điểm và đề ra phương án giải quyết hanh chế của nền kinh tế thị trường. Đồng thời đề ra giải pháp giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: Cơ sở lý luận về kinh tế thị trường

1.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

1.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, là kết quả phát triển lâu dài của lực lượng sản xuất và xã hội hóa các quan hệ kinh tế, trải qua các giai đoạn kinh tế thị trường sơ khai, kinh tế thị trường tự do và kinh tế thị trường hiện đại. Tuy nhiên, không có mô hình kinh tế thị trường chung cho mọi quốc gia và mọi giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau như: Mô hình kinh tế thị trường tự do mới ở Hoa Kỳ, kinh tế thị trường xã hội ở Cộng hòa liên bang Đức, kinh tế thị trường ở Nhật Bản, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc... Điều đó có nghĩa, mỗi nền kinh tế thị trường vừa có những đặc trưng tất yếu không thể thiếu của nền kinh tế thị trường nói chung vừa có những đặc trưng phản ánh điều kiện lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội của quốc gia đó. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một kiểu nền kinh tế thị trường phù hợp với Việt Nam, phản ánh trình độ phát triển và điều kiện lịch sử Việt Nam. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành theo các quy luật của thị trường đồng thời góp phần hướng tới từng bước xác lập một xã hội mà ở đó dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có dự điều tiết của Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

1.1.2. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam bên cạnh những đặc trưng chung của kinh tế thị trường, còn mang một số những đặc trưng riêng.

Về mục tiêu, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa - xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là sự khác biệt cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế nhanh nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Các chủ thể thuộc thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật.

Về quan hệ quản lý nền kinh tế, trong nền kinh tế thị trường hiện đại, sự can thiệp của nhà nước vào quá trình kinh tế nhằm khắc phục những hạn chế hết tât của thị trường và định hướng thị trường theo mục tiêu đã định là một tất yếu khách quan. Sự khác biệt ở đây là nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, Vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản

Về quan hệ phân phối, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thực hiện nhiều hình thức phân khác nhau đối với các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất trên cơ sở công bằng, bình đẳng và hiệu quả kinh tế. Phân phối cũng có các hình thức: theo kết quả lao động, thiếu hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và thông qua hệ thống phúc lợi tập thể và xã hội. Trong đó phân phối theo hiệu quả lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo phúc lợi là những hình thức phân phối mang tính chất định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải thực hiện gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Tiến bộ và công bằng xã hội vừa là điều kiện (phương tiện) đảm bảo sự phát triển bền vững, vừa là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta phải thực hiện hóa từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa.

1.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

1.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thể chế là những quy tắc, luật lệ được đặt ra nhằm điều chỉnh các hoạt động của con người trong một chế độ xã hội.

Theo Douglas North thể chế chính là những luật lệ của cuộc chơi trong xã hội. Chính xác đó là những ràng buộc con người đặt ra để điều chỉnh và định hình các tương tác của con người với con người. Thể chế là một nội dung không thể thiếu trong sự vận hành của bất cứ xã hội nào. Thể chế bao gồm thể chế chính thức (luật), thể chế phi chính thức (tục lệ). Trong phạm vi của môn học, thể chế được đề cập là thể chế chính thức. Tức là phạm vi nghiên cứu của môn học sẽ là luật pháp, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành của xã hội. Hoàn thiện thể chế nói chung và thể chế kinh tế nói riêng là một nội dung quan trọng bậc nhất của bất cứ một quốc gia nào. Khi và chỉ khi luật chơi hoàn thiện mới định hướng chính xác cho hành vi của các chủ thể; hạn chế nảy sinh những mâu thuẫn. Xã hội là một cộng đồng người với những mâu thuẫn lớn nhỏ về lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị. Không có quy tắc hoàn thiện cho cuộc chơi giữa các chủ thể trong xã hội đó sẽ gây tình trạng bất ổn, kìm hãm sự phát triển toàn diện về kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội. Sự hoàn thiện thể chế kinh tế sẽ là tương đối xét ở một giai đoạn lịch sử nhất định. Bối cảnh kinh tế luôn biến động theo thời gian đặt ra yêu cầu sự thay đổi trong thể chế kinh tế. Bởi vậy sự hoàn thiện thể chế kinh tế là nhiệm vụ thường xuyên được đặt ra đối với các quốc gia. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam càng cần thiết phải có sự hoàn thiện trong giai đoạn hiện tại. Sự cần thiết đó vừa bắt nguồn từ tồn tại của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Do thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam còn chưa đồng bộ, kém hiệu lực và chưa đầy đủ. Việt Nam vận hành và phát triển kinh tế thị trường từ 1986 với xuất phát điểm thấp về tiềm lực kinh tế, về trình độ của lực lượng sản xuất. Thuận lợi cho Việt Nam khi xây dựng thể chế kinh tế thị trường là lịch sử hình thành và phát triển hàng trăm năm của kinh tế thị trường trên thế giới. Đồng thời là thể chế kinh tế thị trường cũng đã được xây dựng và hoàn thiện ở nhiều quốc gia khác. Tuy nhiên, khi xây dựng thể chế kinh tế thị trường, Việt Nam cần căn cứ bối cảnh kinh tế - chính trị văn hóa xã hội tại thời điểm lịch sử nhất định. Sự yếu kém trong hiệu lực thể chế, sự chưa đồng bộ và chưa đầy đủ của thể chế xuất phát từ cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

1.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Để hoàn thiện thể chế về sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam cần thực hiện các nội dung sau:

Một là, thể chế hóa đầy đủ quyền tài sản (quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt và hưởng lợi từ tài sản) của nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính

nhà nước và dịch vụ công để quyền tài sản được giao dịch thông suốt. Bảo đảm hiệu lực thực thi và bảo vệ có hiệu quả quyền sở hữu tài sản.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về đất đai để huy động và sử dụng hiệu quả đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất lãng phí.

Ba là, hoàn thiện pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng đất tài nguyên thiên nhiên.

Bốn là, hoàn thiện pháp luật về đầu tư vốn nhà nước, sử dụng có hiệu quả các tài sản công; phân biệt rõ tài sản đưa vào kinh doanh và tài sản để thực hiện mục tiêu chính sách xã hội.

Năm là, hoàn thiện hệ thống thể chế liên quan đến sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích đổi mới, sáng tạo, đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy cao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Sáu là, hoàn thiện khung pháp luật về hợp đồng và giải quyết tranh chấp dân sự theo hướng thống nhất, đồng bộ. Phát triển hệ thống đăng ký các tài sản, nhất là bất động sản.

Bảy là, hoàn thiện thể chế cho sự phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Cụ thể là thực hiện nhất quán một mặt bằng pháp lý và điều kiện kinh doanh cho các loại hình doanh nghiệp, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế. Một doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật. Hoàn thiện thể chế về cạnh tranh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh. Xử lý dứt điểm tình trạng chông chéo các quy định về điều kiện kinh doanh. Tiến hành rà soát, hoàn thiện pháp luật về đấu thầu, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan, kiên quyết xóa bỏ các quy định bất hợp lý. Hoàn thiện thể chế các mô hình sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, các đơn vị sự nghiệp, các nông lâm trường. Trong đó chú ý các khía cạnh như thể chế hoá việc cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước chỉ tập trung vào các lĩnh vực then chốt, thiết yếu; Những địa bàn chiến lược và quốc phòng, an ninh; lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Quản lý chặt chẽ vốn nhà nước tại các doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế vào huy động các nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế quản lý của nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển có hiệu quả. Thể chế hóa nội dung và phương thức hoạt động của kinh tế tập thể. Tăng cường các hình thức hợp tác, liên kết, hỗ trợ cho nông dân trong sản xuất, bảo đảm, chế biến, tiêu thụ nông sản. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy các thành phần kinh tế, các khu vực kinh tế phát triển đồng bộ để góp phần xác lập trình độ phát triển dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng văn minh.

Trong đó cần tạo thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có công nghệ hiện đại và năng lực quản trị tiên tiến. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hoàn thiện thể chế thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài theo hướng chủ động lựa chọn các dự án đầu tư nước ngoài có chuyển giao công nghệ và quản trị hiện đại, có cam kết, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, phù hợp với định hướng cơ cấu của nền kinh tế và các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế. Trong quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, cần phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước, đồng thời kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế tiêu cực.

Hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường:

Một là, hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường. Các yếu tố thị trường như hàng hóa, giá cả, cạnh tranh, cung cầu... Cần phải được vận hành theo nguyên tắc thể chế kinh tế thị trường. Muốn vậy, hệ thống thể chế về giá, thúc đẩy cạnh tranh, về chất lượng hàng hóa, dịch vụ... cần phải được hoàn thiện để thúc đẩy sự hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường.

Hai là, hoàn thiện thể chế để phát triển đồng bộ vận hành thông suốt các loại thị trường. Các loại thị trường cơ bản như thị trường hàng hóa, thị trường vốn, thị trường công nghiệp, thị trường hàng hóa sức lao động... Cần phải được hoàn thiện. Đảm bảo sự vận hành thông suốt, phát huy tác động tích cực, cộng hưởng của các thị trường đối với sự phát triển của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hoàn thiện thể chế để đảm bảo gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng hệ thống thể chế để có thể kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế nhanh và bền vững với phát triển xã hội bền vững, thực hiện tiến bộ xã hội, tạo cơ hội cho mọi thành viên trong xã hội tham gia và hưởng thụ công bằng thành quả của quá trình phát triển. Hoàn thiện thể chế thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Lịch sử thế giới đã chứng minh rằng những nước có nền kinh tế thị trường phát triển nhanh đều là những nước biết mở cửa, hội nhập. Theo đó, xây dựng và hoàn thiện thể chế về hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay cần tập trung vào các nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống pháp luật và các thể chế liên quan đất ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Hai là, thực hiện nhất quán chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa trong các hợp tác kinh tế quốc tế, không để bị lệ thuộc vào một số ít thị trường. Nâng

cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tìm lực của các doanh nghiệp trong nước. Xây dựng và thực hiện các cơ chế phù hợp với thông lệ quốc tế để phản ứng nhanh nhạy trước các diễn biến bất lợi trên thị trường thế giới, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển của đất nước.

Hoàn thiện để nâng cao năng lực hệ thống chính trị, xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng. Vai trò xây dựng và thực hiện thể chế kinh tế của nhà nước, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để phát triển thành công kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải phát huy được sức mạnh về trí tuệ, nguồn lực và sự thuận đồng thuận của toàn dân tộc. Muốn vậy cần phải thực hiện nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng vai trò của nhà nước và phát huy vai trò của nhân dân.

CHƯƠNG 2. Thực trạng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1. Thực trạng nền kinh tế thị trường

2.1.1. Những tích cực của nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa không ngừng phát triển khiến *mức sống xã hội nâng cao, điều kiện học tập được cải thiện một cách đáng kể*. Nếu xem kinh tế là nền tảng của sự phát triển xã hội thì đây là thuận lợi cơ bản nhất đối với thế hệ trẻ. Dù còn những vùng khó khăn, còn nhiều hộ đói nghèo nhưng điều kiện sinh hoạt hàng ngày không còn là câu chuyện bức xúc đối với số đông người. Không khó nhận ra rằng khoảng gần hai mươi năm nay bộ mặt xã hội đổi thay ngày càng nhanh chóng. Trong đó nhiều địa phương có sự thay đổi hiện lên rõ rệt theo hàng tháng, hàng quý. Bình quân thu nhập, mức sống của đa số người dân được cải thiện. Mọi phương tiện sinh hoạt ngày càng tiện lợi, tân tiến, đáp ứng những mức độ hưởng thụ khác nhau.

Đời sống kinh tế, mặt bằng dân trí xã hội được nâng cao, sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục, chủ trương xã hội hoá giáo dục nhằm phát huy mọi nguồn lực. Tất cả những điều ấy đã làm cho điều kiện học tập, phấn đấu của thế hệ trẻ được cải thiện đáng kể. Cơ sở vật chất của trường học đầy đủ, khang trang hơn. Ở hầu hết các địa phương, trường học được xây dựng, bổ sung bằng nhiều nguồn lực. Trong không gian nhà trường, sân chơi, bãi tập, thư viện, phòng máy,... được cải thiện, nâng cấp, trang bị hiện đại hơn. Sự phát triển với tốc độ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, của công nghệ thông tin khiến quá trình hiện đại hoá giáo dục được đẩy mạnh. Đồng thời với điều kiện vật chất, với công nghệ in ấn như hiện nay, trừ một số vùng miền khó khăn, đa số học sinh được đáp ứng đầy đủ tài liệu, sách vở phục vụ học tập.

Phương tiện học tập đa dạng hơn, hiện đại hơn so với trước. Xã hội hiện nay với công nghệ hiện đại đã tạo cơ hội cho mọi người có thể học tập, nâng cao trình độ học vấn bằng nhiều cách. Thế hệ trẻ lại rất nhanh nhạy trong việc tiếp thu, sử dụng công nghệ mới.

Hơn nữa, thời đại chúng ta đang sống là thời đại bùng nổ thông tin. Trong đó, Việt Nam là một quốc gia có tốc độ phát triển nhanh đáng kể trên lĩnh vực này. Cùng với công cuộc đổi mới trên đất nước, cuộc cách mạng công nghệ thông tin đạt được những thành tựu to lớn. Về số lượng điện thoại di động thuê bao, tính từ năm 2002 đến cuối năm 2008, tốc độ tăng trưởng hàng năm của Việt Nam cao nhất thế giới. Theo công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 31/12/2008, tổng số điện thoại thuê bao (cả di động và cố định của Việt Nam đã lên đến 79,1 triệu máy, đạt mật độ 92,6 máy/100 dân). Về số người dùng internet, cũng theo số liệu công bố của bộ này, cuối năm 2008, nước ta đạt 20.670.000 người. Tính đến ngày 26/12/2013, tổng số điện thoại thuê bao toàn quốc là 105 triệu máy, trong đó thuê bao di động chiếm khoảng 93%, số người dùng internet là hơn 31 triệu. Cuộc cách mạng công nghệ thông tin như thế đã tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội. Tivi, máy tính, internet, điện thoại di động, máy quay phim, máy ảnh kỹ thuật số,... giúp con người mở rộng mọi chiều kích không gian sống, có thể giao lưu, hội nhập quốc gia và quốc tế một cách nhanh chóng, rộng rãi. Làng xã Việt Nam vốn nhịp nhàng, đơn điệu trong guồng quay của sản xuất, sinh hoạt tiểu nông giờ đây đã trở nên sôi động hơn. Cuộc cách mạng công nghệ thông tin đã đem tới cho xã hội, cho đời sống con người những lợi ích vô cùng to lớn. Từ đó tri thức được mở rộng hơn với người Việt Nam tâm văn hoá được nâng cao, quan niệm thẩm mỹ sẽ cởi mở, đa dạng hơn.

Ngoài ra, Kinh tế thị trường phát triển cũng tạo điều kiện cho con người hiện đại mở rộng các chiều quan hệ, giao lưu, hình thành nếp sống công nghiệp năng động và phát huy tinh thần dân chủ. Quá trình hình thành, phát triển nền kinh tế thị trường đã kích thích tiềm năng sáng tạo, tính tích cực của con người, phát huy năng lực sở trường của từng cá nhân. Nhìn chung, tốc độ sống của con người hiện đại nhanh hơn trước, mạnh hơn trước. Đa số người trẻ tuổi hiện nay có ý thức về bản ngã và cá tính, về quyền năng và quyền lợi của bản thân, từ đó có khát vọng được thể hiện, tự khẳng định. Cùng với việc phát huy năng lực, tính tự chủ của cá nhân, nền kinh tế thị trường tạo không gian giao tiếp rộng lớn và phong phú cho mỗi con người đổi mới tư duy, phát triển đời sống tinh thần. Khi xã hội công nghiệp hoá hiện đại hoá, thành phần cư dân ngày càng đa dạng, phức tạp. Việc kinh doanh trao đổi đã vượt khỏi phạm vi hạn hẹp. Cơ chế kinh

tế mới, phương thức làm ăn đa dạng, cởi mở dần dần tạo cho con người làng xã tính năng động xã hội cao, có khả năng thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống. Điều đó cũng có nghĩa sự giao lưu, tiếp nhận văn hoá của người dân được mở rộng ra tầm quốc gia và quốc tế. Nền kinh tế toàn cầu hoá đi liền với nền văn hoá cũng đang toàn cầu hoá. Chúng ta đang ngày càng ý thức rõ rằng không thể nhân danh bảo vệ truyền thống mà đóng kín mọi cánh cửa của ngôi nhà văn hoá dân tộc bởi làm thế là cưỡng lại quy luật khách quan. Ở trong môi trường như thế, tất yếu con người thay đổi cả tư duy về lối sống, văn hóa, cách hành xử.

2.1.3. Những hạn chế của kinh tế thị trường

Bên cạnh những mặt tích cực nền kinh tế thị trường của Việt Nam vẫn còn tồn tại những khía cạnh tiêu cực đáng chú ý:

Điều hình là tình trạng cơ sở vật chất- kỹ thuật còn ở trình độ thấp, bên cạnh một số lĩnh vực, một số cơ sở kinh tế đã được trang bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại, trong nhiều ngành kinh tế, máy móc cũ kỹ, công nghệ lạc hậu. Theo UNDP thì Việt Nam đang ở trình độ công nghệ lạc hậu 2/7 của thế giới, thiết bị máy móc lạc hậu 2-3 thế hệ của thế giới (có lĩnh vực 4-5 thế hệ). Lao động thủ công vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số lao động xã hội. Do đó, năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất của nước ta còn rất thấp so với khu vực và thế giới (năng suất lao động của nước ta chỉ bằng 30% mức trung bình của thế giới). Kết cấu hạ tầng như hệ thống đường giao thông, biển cảng, hệ thống thông tin liên lạc... còn lạc hậu, kém phát triển (mật độ đường giao thông/1km bằng 1% so với mức trung bình của thế giới; tốc độ truyền thông trung bình cả nước chậm hơn thế giới 30 lần). Hệ thống giao thông kém phát triển làm cho các địa phương, các vùng bị chia cắt, tách biệt nhau, do đó làm cho nhiều tiềm năng của các địa phương không thể được khai thác, các địa phương không thể chuyên môn hóa sản xuất để phát huy thế mạnh.

Phân công lao động kém phát triển, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm. Nền kinh tế nước ta chưa thoát khỏi nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ. Nông nghiệp vẫn sử dụng 70% lực lượng lao động, nhưng chỉ sản xuất khoảng 26% GDP, các ngành kinh tế công nghệ cao chiếm tỷ trọng thấp. Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường trong nước cũng như thị trường nước ngoài còn rất yếu. Do cơ sở vật chất- kỹ thuật và công nghệ lạc hậu, nên năng suất lao động thấp, do đó khối lượng hàng hóa nhỏ bé, chủng loại hàng hóa còn nghèo nàn, chất lượng hàng hóa thấp, giá cả cao vì thế khả năng cạnh tranh còn yếu.

Vì thực trạng giao thông vận tải kém phát triển nên chưa lôi cuốn được tất cả các vùng trong nước vào một mạng lưới lưu thông hàng hóa thống nhất. Thị

trường hàng hóa dịch vụ đã hình thành nhưng còn hạn hẹp và còn nhiều hiện tượng tiêu cực (hàng giả, hàng nhập lậu, hàng nhái nhãn hiệu vẫn làm rối loạn thị trường). Thị trường hàng hóa sức lao động mới mạnh nhanh, một số trung tâm giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động mới xuất hiện đã nảy sinh hiện tượng khủng hoảng. Nét nổi bật của thị trường này là sức cung người lao động lành nghề nhỏ cầu hơn rất nhiều trong khi đó cung về sức lao động giản đơn lại vượt quá xa cầu, nhiều người có sức lao động không tìm được việc làm. Thị trường tiền tệ, thị trường vốn có nhiều tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều trở ngại, như nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân rất thiếu vốn nhưng không vay được vì vướng mắc thủ tục, trong khi đó nhiều ngân hàng thương mại huy động tiền gửi mà không thể cho vay để ứ đọng trong kết dư nợ quá hạn trong nhiều ngân hàng thương mại đã đến mức báo động .

Nhiều thành phần kinh tế tham gia thị trường do vậy nền kinh tế ở nước ta có nhiều loại hình sản xuất hàng hóa cùng tồn tại đan xen nhau, trong đó sản xuất hàng hóa nhỏ phân tán còn phổ biến. Ngoài ra, Sự hình thành thị trường trong nước với mở rộng kinh tế đối ngoại, hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới, trong hoàn cảnh trình độ phát triển kinh tế- kỹ thuật của nước ta thấp xa so với hầu hết các nước khác. Hơn nữa, Quản lý nhà nước về kinh tế xã hội còn yếu. Công tác tài chính, ngân hàng, kế hoạch hóa xây dựng, quản lý còn yếu kém, thủ tục hành chính phức tạp, chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn, lạm phát được kiềm chế nhưng chưa vững chắc.

2.2. Hạn chế của thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Thời gian qua, những hạn chế và bất cập của thể chế kinh tế thị trường ở nước ta tập trung ở những điểm chính sau đây:

Về hệ thống pháp luật, tuy ngày càng được hoàn thiện nhưng hệ thống pháp luật vẫn chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sự bất cập này thể hiện ở tính chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước bằng pháp luật. Một số vấn đề chậm thể chế hóa, như quản lý nhà nước đối với tài sản thuộc sở hữu nhà nước, đăng ký kinh doanh bất động sản, kiểm soát độc quyền. Chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật, tình trạng văn bản hướng dẫn thi hành mâu thuẫn với văn bản luật chưa được khắc phục triệt để. Tính cụ thể, minh bạch và dự báo trước của nhiều luật còn thấp. Hiệu lực thi hành của một số văn bản pháp luật chưa cao, như Luật cạnh tranh, Luật đất đai,... Chưa qui định rõ quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, thể chế hóa các hoạt động giao dịch, chống độc quyền, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo hiểm và an sinh xã hội. Quy trình xây dựng văn bản pháp luật còn thiếu dân chủ, cứng nhắc, cách

phân công cho các bộ, ngành soạn thảo văn bản pháp luật để dẫn đến tình trạng bảo vệ lợi ích cục bộ của bộ, ngành.

Về chủ thể kinh tế, quan điểm đối với các chủ thể kinh doanh chưa có sự nhất quán và rõ ràng giữa chính sách và thực thi. Chẳng hạn, luật pháp qui định mọi doanh nghiệp thuộc các hình thức sở hữu khác nhau đều bình đẳng, nhưng trong thực tế, các doanh nghiệp tư nhân gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận với các nguồn vốn và thị trường. Có sự khác biệt giữa nhận thức và phân định vai trò của các chủ thể kinh tế với vai trò thực sự của chủ thể kinh tế ấy trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Các doanh nghiệp nhà nước có qui mô lớn, nhưng hoạt động kém hiệu quả. Các doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ 75% giá trị tài sản quốc gia, 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, 60% lượng vốn tín dụng ngân hàng trong nước, hơn 70% tổng vốn vay nước ngoài, nhưng hiệu quả kinh doanh thấp. Chưa đến 40% doanh nghiệp nhà nước có mức lãi bằng hoặc cao hơn lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại, thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ đạt 8000 tỉ đồng trong tổng số 87000 tỉ đồng nộp ngân sách nhà nước năm 2003. Nhiều doanh nghiệp nhà nước có trình độ công nghệ dưới mức trung bình của thế giới và khu vực, tốc độ đổi mới công nghệ khoảng 10%/năm. Theo xếp hạng của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WMF) trong báo cáo “Năng lực cạnh tranh toàn cầu” năm 2004, chỉ số về công nghệ của Việt Nam rất thấp, xếp thứ 92/104 quốc gia (năm 2003 là 65). Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, năm 2004, theo tiêu chí này các doanh nghiệp chỉ đứng thứ 73 theo xếp hạng của WMF. Các doanh nghiệp nhà nước chưa thể hiện được sự khác biệt về năng lực cạnh tranh so với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Về cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường, vận dụng chưa đồng bộ các công cụ quản lý và điều tiết thị trường. Năng lực của bộ máy quản lý nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu quản lý hiệu quả nền kinh tế thị trường, thiếu tính chuyên nghiệp và sự tận tâm phục vụ doanh nghiệp.

Về hệ thống các thị trường, các thị trường lao động, thị trường vốn, thị trường bất động sản hoạt động chưa hiệu quả, quản lý nhà nước (định hướng, tạo môi trường kinh doanh, điều tiết hành vi của các chủ thể tham gia thị trường,...) chưa linh hoạt, thiếu chủ động và mức độ kiểm soát thị trường chưa cao.

CHƯƠNG 3. Giải pháp Việt Nam cần thực hiện để hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

3.1. Giải pháp khắc phục những hạn chế của kinh tế thị trường

Như vậy, nước ta bước vào KTTT định hướng XHCN là tất yếu khách quan, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Song, KTTT cũng làm phát sinh nhiều vấn đề tác động cả mặt tích cực và mặt tiêu cực đến phát triển nhân cách

cán bộ, đảng viên. Để phát huy những mặt tích cực, khắc phục những hạn chế, khuyết tật của KTTT tới nhân cách người cán bộ, đảng viên hiện nay, cần có những giải pháp mang tính đồng bộ, cụ thể, phù hợp, trước hết cần thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong cán bộ, đảng viên về KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. Công tác tư tưởng, chính trị quyết định thành hay bại đến xây dựng, phát triển nhân cách người cán bộ, đảng viên trong cơ chế thị trường định hướng XHCN. Vì vậy, công tác tư tưởng cần được quan tâm hàng đầu trong giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên về KTTT ở nước ta hiện nay. Khi mọi cán bộ, đảng viên hiểu rõ những mặt tích cực, nhất là các mặt trái của KTTT sẽ tạo sự đồng thuận, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển nhân cách của mỗi cán bộ, đảng viên. Để thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng, chính trị trong đội ngũ cán bộ, đảng viên về KTTT, đòi hỏi trước hết từng cấp ủy phải thấm nhuần sâu sắc chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển KTTT ở nước ta; xác định các biện pháp phù hợp để tuyên truyền, vận động mỗi cán bộ, đảng viên phát huy mặt tích cực, đấu tranh với các mặt tiêu cực không để tác động ảnh hưởng đến phát triển nhân cách của mình. Đồng thời, cả hệ thống chính trị phải “vào cuộc” góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng, chính trị đến phát triển nhân cách người cán bộ, đảng viên.

Hai là, thường xuyên tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đảng viên nhằm phát triển nhân cách của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tự phê bình và phê bình đã được coi là quy luật phát triển của Đảng ta, nhất là trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới và trước thực trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống như hiện nay trong cơ chế thị trường. Vì vậy, người cán bộ, đảng viên muốn có nhân cách tốt, có uy tín trước quần chúng, cần phải nêu cao tự phê bình và phê bình thường xuyên “như rửa mặt hằng ngày”. Trong thực hiện tự phê bình và phê bình, trước hết cán bộ, đảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý chủ chốt phải làm gương cho cấp dưới noi theo. Phải dám nhìn thẳng vào sự thật, dũng cảm tự phê bình và phê bình, xem đó là cách tốt nhất để sửa mình, phát triển nhân cách, không để những tiêu cực của cơ chế thị trường len lỏi, găm nhám đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên. Đồng thời, phải xử lý nghiêm và kịp thời những cán bộ, đảng viên suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, sa vào chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng... Có như vậy mới giữ vững và phát huy truyền thống của một Đảng cách mạng chân chính, đã từng tôi luyện nên đội ngũ

đảng viên có nhân cách toàn diện, có lý tưởng cách mạng cao đẹp, biết hành động sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân.

Ba là, mỗi cán bộ, đảng viên phải tự giác tu dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống XHCN. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo: Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không còn trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy, thực hiện tự tu dưỡng, tự rèn luyện một cách nghiêm túc, bền bỉ, thường xuyên là một giải pháp có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi cán bộ, đảng viên để phát triển nhân cách của mình trong cơ chế thị trường. Sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng không phải là những nội dung trừu tượng mà nó diễn ra hàng ngày thông qua những việc cụ thể khi thực hiện chức trách, bổn phận của cán bộ, đảng viên. Đạo đức cách mạng phải là văn hoá ứng xử trong các mối quan hệ đó theo nguyên tắc đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết và trước hết. Việc giữ gìn nhân cách, phẩm chất đạo đức cách mạng phải là của chính mỗi cán bộ, đảng viên, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trong bài Đạo đức cách mạng: Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị. Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là học tập đức tính “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” là chuẩn mực đạo đức truyền thống trong quan hệ “đối với mình”; đồng thời, đó cũng là chuẩn mực cơ bản của đạo đức cách mạng, là cơ sở để phát triển nhân cách cán bộ, đảng viên một cách bền vững. Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay đối với cán bộ, đảng viên là phải loại bỏ thói chạy theo danh vọng, địa vị, giành giật lợi ích cho mình, lạm dụng quyền hạn, chức vụ để chiếm đoạt của công, thu vén cho gia đình, cá nhân, cục bộ, địa phương chủ nghĩa. Phải thẳng thắn, trung thực, bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt; không chạy thành tích, không bao che, giấu giếm khuyết điểm. Phải tích cực học tập phong cách Hồ Chí Minh, cụ thể là phong cách quần chúng, phong cách dân chủ và phong cách nêu gương.

Đặc biệt, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải nêu gương đối với mình, đối với người và đối với công việc; kiên quyết chống thói tự cao tự đại, tự mãn, kiêu ngạo; phải luôn học tập cầu tiến bộ, giữ thái độ chân thành, khiêm tốn, đoàn kết;

thật thà, không dối trá, lừa lọc; phải có lòng khoan dung, độ lượng. Đó là con đường để mỗi cán bộ, đảng viên tự hoàn thiện mình để không ngừng phát triển nhân cách người cán bộ, đảng viên trong nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.

3.2. Giải pháp hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) luôn được Đảng ta quan tâm đặc biệt. Kể từ Đại hội IX của Đảng tháng 4/2001, Đảng ta đã khẳng định “kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Kể từ đó đến nay vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được đặt ra cấp bách trong các Đại hội X, XI, XII, XIII của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã ra hai nghị quyết chuyên đề về vấn đề này: Nghị quyết Trung ương 6 khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN (trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X). Đại hội XIII của Đảng nâng lên tầm cao mới về chủ trương, quan điểm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Báo cáo chính trị được Đại hội XIII của Đảng thông qua có 15 mục lớn, thì mục lớn thứ 4 là: "IV - Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" với ba nội dung quan trọng:

Thứ nhất, thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, Đại hội XIII khẳng định: Kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, có ba điểm nổi bật: Một là, xây dựng và thực thi pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia. Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm cá nhân và nâng cao trách nhiệm phối hợp giữa các cấp, các ngành. Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản. Phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại. Ba là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đẩy nhanh việc xử lý nợ, thoái vốn, cổ phần hóa, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại để nâng cao hiệu quả, đồng thời kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của doanh nghiệp, không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ, trang trại trong nông nghiệp. Hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường...

Thứ ba, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, Đại hội XIII chỉ rõ: "Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế đất nước. Phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước; giữ vững các cân đối lớn, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế; không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên

ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế. Thực hiện nhiều hình thức hội nhập kinh tế quốc tế với các lộ trình linh hoạt, phù hợp với điều kiện, mục tiêu của đất nước trong từng giai đoạn. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trước hết là cán bộ trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế, giải quyết tranh chấp quốc tế". Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030), phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đầu tiên là: "Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội". Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, pháp luật đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, ổn định, cụ thể, minh bạch. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả các thiết chế thi hành pháp luật, bảo đảm chấp hành pháp luật nghiêm minh. Phát triển đầy đủ và đồng bộ thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là các thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ... Nhà nước thực hiện tốt chức năng xây dựng và quản lý thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực phát triển theo cơ chế thị trường. Bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh, thực thi hợp đồng của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước. Cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Xây dựng nhanh nền hành chính hiện đại, dựa trên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện phương thức, công cụ quản lý nhà nước chủ yếu bằng điều tiết gián tiếp, tăng cường hậu kiểm; giảm đến mức thấp nhất rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ đối với người dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt. Đổi mới mạnh mẽ phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu quả phối hợp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. củng cố, hoàn thiện hệ thống chính quyền địa phương; phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương. Kết hợp hài hòa giữa phát

triển kinh tế địa phương và kinh tế vùng trên cơ sở phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, địa phương.

KẾT LUẬN

Như vậy, quá trình hình thành và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam bước đầu đã thu được những thành tựu đáng kể. Nó đã làm thay đổi bộ mặt nền kinh tế của đất nước ta kể từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng. Tuy rằng còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và sự đồng lòng của toàn dân chúng ta đã gặt hái được nhiều kết quả to lớn. Từ một nước còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế chúng ta đã từng bước phát triển ngang tầm với các nước trong khu vực và đang khẳng định mình trên trường quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó chúng ta cũng đang phải đối phó với nhiều khó khăn do nền kinh tế thị trường đem lại. Đó là những mặt trái của nền kinh tế thị trường, và thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Điều đó đòi hỏi phải có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt Nam để đưa ra những giải pháp hạn chế những mặt tiêu cực, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chúng ta cần kiên quyết loại bỏ những yếu tố tiêu cực có thể gây mất ổn định nền kinh tế đất nước cũng như nền chính trị của đất nước. Để có thể phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta, theo kịp với các nước tiên tiến trên thế giới. Mục tiêu của nhiệm vụ này không phải là tạo ra một nền kinh tế thị trường khác, mà là sử dụng các ưu thế của kinh tế thị trường hiện có như một “công cụ” để phát triển kinh tế đất nước. Định hướng XHCN chính là “kim chỉ nam” để hướng cho nền kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả, đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trực tuyến

1. Nguyễn Trọng Chuẩn (2020), “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và vấn đề con người - tiếp cận từ mục tiêu và động lực của sự phát triển”, [tapchicongsan.org.vn,https://tapchicongsan.org.vn/mediastory//asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-va-van-de-con-nguoi-tiep-can-tu-muc-tieu-va-dong-luc-cua-su-phat-trien](https://tapchicongsan.org.vn/mediastory//asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-va-van-de-con-nguoi-tiep-can-tu-muc-tieu-va-dong-luc-cua-su-phat-trien).
2. ĐỖ PHÚ THỌ (2021), “Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là lựa chọn đúng của Việt Nam”, <https://www.qdnd.vn/chong-dien-bien-hoa-binh/phat-trien-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-la-lua-chon-dung-cua-viet-nam-649445>.
3. Trần Đức Hiếu (2021), “Kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay”, <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/kinh-te-thi-truong-hien-dai-theo-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-trong-giai-doan-hien-nay-332980.html>.
4. Nguyễn Thị Hương (2021), “Thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/thuc-tien-phat-trien-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-331532.html>.
5. Nguyễn Kiêm Ái (2013), “Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, <https://tuyengiaotiengiang.vn/news/Ly-luan-Chinh-tri/Dac-trung-cua-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-Viet-Nam-114/>.
6. Như Chính (2017), “8 nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN”, <https://baodautu.vn/8-nhiem-vu-giai-phap-hoan-thien-the-che-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xhcn-d70617.html>.